



Original Article

Modifiers in Noun Phrase Structures with Nominalized Verb Heads between Vietnamese and English

Vu Thanh Thuy*, Nguyen Thi Thanh Ngoc

Hanoi University, Km 9, Nguyen Trai Road, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam

Received 21st October 2025

Revised 31st March 2026; Accepted 23rd April 2026

Abstract: The article investigates the pre-modifiers and post-modifiers of three-part noun phrase structures of which the heads are nominalized verbs in Vietnamese and English. 600 Vietnamese and English noun phrase structures from various literary works are used for analysis. The results revealed not only the most and the least popular pre-modifier and post-modifier in the noun phrase structure but also the combination of these modifiers in both languages. The analysis of three-part noun phrase structures enables language users to identify the structure, the components, the word classes easily and to determine the distinctive features of noun phrase structures successfully in both languages. This article plays a theoretical and practical role in Vietnamese and English language research. The findings not only strengthen the theories and suggest future research directions on word classes in languages but also are the scientific basis for recommendations for teaching and learning Vietnamese and English.

Keywords: Nominalized verbs, the head, the pre-modifier, the post-modifier.

* Corresponding author.

E-mail address: thuyvt@hanu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5418>

Thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hoá giữa tiếng Việt và tiếng Anh

Vũ Thanh Thủy*, Nguyễn Thị Thanh Ngọc

Trường Đại học Hà Nội, Km 9, Đường Nguyễn Trãi, Phường Đại Mỗ, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 10 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 31 tháng 3 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 4 năm 2026

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu các thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hoá với đủ 3 thành phần (thành tố phụ trước, trung tâm, thành tố phụ sau) trong tiếng Việt và tiếng Anh. Kết quả thu được sau khi khảo sát 600 cấu trúc danh ngữ trong hai ngôn ngữ từ các tác phẩm văn học là sự nhận dạng các thành tố phổ biến, thành tố loại biệt, và xu hướng kết hợp các loại thành tố này trong cấu trúc. Việc phân tích cấu trúc danh ngữ có đủ 3 thành phần giúp người sử dụng nhận diện được cấu trúc, các thành tố, từ loại và xác định được đặc trưng của loại cấu trúc này trong hai ngôn ngữ. Bài viết có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong quá trình học tập, nghiên cứu tiếng Việt và tiếng Anh. Kết quả nghiên cứu không chỉ củng cố lý luận, gợi mở hướng nghiên cứu về từ loại trong các ngôn ngữ mà còn là cơ sở khoa học đề xuất những khuyến nghị trong học tập cũng như trong giảng dạy tiếng Việt và tiếng Anh.

Từ khóa: Động từ được danh hoá, trung tâm, thành tố phụ trước, thành tố phụ sau.

1. Mở đầu

Nghiên cứu từ pháp hay nghiên cứu từ loại trong các ngôn ngữ là một trong những nội dung mà nhiều nhà ngữ pháp học quan tâm. Việc sử dụng ngôn ngữ trong đời sống luôn ở trạng thái động. Trong các ngữ cảnh khác nhau, ngữ nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của từ không cố định mà thường có xu hướng biến đổi một cách linh hoạt nhằm thể hiện những diễn đạt tinh tế nhất mà người nói (viết) muốn hướng đến. “Hiện tượng chuyển loại trong tiếng Việt hiện nay đang có xu hướng phát triển mạnh nhằm đáp ứng sự phát triển ngày một sâu rộng của tư duy đã đặt ra yêu cầu có từ ngữ mới để biểu đạt những khái niệm mới ra đời” [1]. Vì vậy, việc nghiên cứu từ loại của từ có ý nghĩa đối với người sử dụng, người học, và người dạy ngôn ngữ.

Việc chuyển loại của từ là hiện tượng phổ biến trong các ngôn ngữ. Xác định từ loại của từ được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ sử dụng dựa trên ba tiêu chí cơ bản là: ý nghĩa khái quát; khả năng kết hợp của từ trong ngữ lưu; và chức vụ ngữ pháp của từ trong câu. Với bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu khả năng kết hợp của từ trong ngữ lưu.

Việc nghiên cứu một ngôn ngữ trong lời nói, hay xử lý ngôn ngữ một cách tự nhiên luôn đòi hỏi phải xét ngôn ngữ đó trong thực tiễn sử dụng. Vì thế, trong bài viết, chúng tôi khảo sát cấu trúc danh ngữ có động từ được danh hoá trong các tác phẩm văn học. Đối tượng khảo sát là cấu trúc danh ngữ gồm đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, trung tâm là động từ được danh hoá, và thành tố phụ sau trong tiếng Việt và tiếng Anh. Chúng tôi tập trung nghiên cứu, phân tích đặc điểm của thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của loại cấu trúc này nhằm tìm ra các thành tố phổ biến, thành tố loại biệt, điểm tương đồng và điểm khác biệt giữa các thành tố phụ này trong tiếng Việt và tiếng Anh.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: thuyvt@hanu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5418>

Các kết quả nghiên cứu hướng đến việc áp dụng cho quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ ở tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu trong tiếng Việt

Từ loại là nội dung được các nhà ngữ pháp quan tâm nghiên cứu từ sớm. Ngay từ những nghiên cứu đầu thế kỷ 20, những công trình nghiên cứu tiếng Việt cũng đề cập đến từ loại. Vì được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm nên đến nay, các công trình nghiên cứu về từ loại sâu về nội dung, rộng về phạm vi. Khi bàn về hệ thống từ loại tiếng Việt, các tác giả nghiên cứu ngữ pháp thường phân chia từ trong từ vựng tiếng Việt thành “những phạm trù từ vựng - ngữ pháp” và “mỗi từ loại chính là một phạm trù từ vựng - ngữ pháp” [2].

Theo Nguyễn Thiện Giáp [3], Nguyễn Kim Thản trong “Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt” phân chia từ loại tiếng Việt thành ngữ thái từ và phi ngữ thái từ. Ngữ thái từ gồm trợ từ và thán từ; phi ngữ thái từ lại chia thành thực từ, hư từ và bán thực từ, bán hư từ.

Nguyễn Thiện Giáp [4] và Vũ Đức Nghiệu [2] phân chia từ vựng trong các ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng thành 3 loại lớn: thực từ, hư từ và thán từ.

Mặc dù hệ thống từ vựng của ngôn ngữ được phân chia thành các loại lớn với các tên gọi khác nhau nhưng các nhà nghiên cứu đều thống nhất xếp danh từ, động từ, tính từ vào nhóm thực từ. “Về ý nghĩa, thực từ là những từ chỉ xuất các sự vật, hiện tượng, hành động, thuộc tính, quá trình,... (dù là hiện thực hay phi hiện thực). Nói cách khác, thực từ biểu hiện ý nghĩa từ vựng (biểu hiện khái niệm). Về mặt ngữ pháp, thực từ có khả năng đảm nhiệm rất nhiều chức vụ như: làm thành phần câu (làm chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc bổ ngữ, hoặc định ngữ, trạng ngữ,...), làm thành tố trung tâm hoặc thành tố phụ trong nhiều kiểu loại cụm từ, kiểu loại kết cấu cú pháp khác nhau” [2].

Mặc dù là một phạm trù từ loại trong nhóm thực từ nhưng “danh từ là từ loại quan trọng

nhất trong số các từ loại của một ngôn ngữ,... Danh từ chiếm một số lượng rất lớn trong vốn từ vựng và có một chất lượng hết sức quan trọng trong cơ cấu ngữ pháp” [5]. Một trong những lý do tạo nên số lượng lớn của danh từ là hiện tượng chuyển từ loại, cụ thể là hiện tượng danh hóa động từ và tính từ. Các nhà nghiên cứu Việt ngữ đã chỉ ra “quan hệ giữa danh từ với các từ loại khác trong hệ thống từ loại tiếng Việt” [5]. “Trong tiếng Việt, rất nhiều trường hợp chúng ta còn gặp hiện tượng dùng những tiếng như *người, anh, cái, cuốn*, trước một động từ, tính từ để tạo thành một tổ hợp có thể dùng để chỉ sự vật, và để thay thế danh từ, ví dụ: *người mua, người bán, anh đưa thư, bức vẽ, bài hát, câu ca, cái đẹp, cái tốt, nỗi buồn, sự lãnh đạo, điều băn khoăn, trận đánh,...*” [6]. Theo Đinh Văn Đức [5], “mỗi động từ, tính từ trong tiếng Việt có khả năng danh hóa do kết quả của cách thức tri nhận, bởi một danh từ tương ứng bằng cách kết hợp một chỉ tố ngữ pháp nào đó, *học - việc học, làm - việc làm, đấu tranh - việc đấu tranh, hy sinh - sự hy sinh, đẹp - vẻ đẹp, buồn - nỗi buồn*”. Ở bài viết này, chúng tôi phân tích hiện tượng danh hóa động từ xét trong cấu trúc danh ngữ.

Trong tiếng Việt, một số từ vừa mang đặc điểm ngữ pháp của phạm trù từ loại động từ, vừa mang đặc điểm ngữ pháp của phạm trù từ loại tính từ. Hoặc những từ vừa mang đặc điểm ngữ pháp của phạm trù từ loại động từ, vừa mang đặc điểm ngữ pháp của phạm trù từ loại danh từ đều không là đối tượng của khảo sát. Mẫu khảo sát là những từ được xác định là động từ theo *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê [7] chủ biên. Ví dụ sau là những trường hợp chúng tôi không đưa vào khảo sát:

Khái quát I đg. (động từ) Nắm lấy những cái có tính chất chung cho một loại sự vật, hiện tượng. *Bản báo cáo đã khái quát được tình hình.* II t. (tính từ) Có tính chất chung cho một loạt sự vật, hiện tượng. *Cách nhìn khái quát* [7].

Thành công đg. (động từ) hoặc d. (danh từ) Đạt được kết quả, mục đích như dự định; trái với thất bại. *Thí nghiệm thành công. Chúc mừng thành công của hội nghị* [7].

2.2. Tổng quan nghiên cứu trong tiếng Anh

Trong tiếng Anh, từ loại cũng là chủ đề được các nhà ngôn ngữ nói chung và các nhà ngữ pháp nói riêng rất quan tâm. Theo Lê Dũng [8], 8 từ loại (*parts of speech, word classes*) trong tiếng Anh bao gồm: danh từ, đại từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, liên từ, thán từ có những chức năng nhất định trong câu và được phân chia theo chức năng (*function*) và hình thức (*form*). Nếu phân chia từ loại theo chức năng, chúng ta phải xét tới vị trí, vai trò của từ loại đó trong câu cụ thể. Mỗi từ có thể đảm nhận hơn một chức năng ngữ pháp khác nhau trong câu nên tên gọi từ loại dành cho từ đó ở những vị trí cụ thể trong câu cũng khác nhau [8]. Ví dụ: trong câu *The well is dry.* (*Cái giếng đã khô cạn.*), từ *well* là danh từ vì nó đứng sau mạo từ xác định *the*. Theo Lê Dũng [8], “mạo từ là từ được dùng trước danh từ và cho biết danh từ ấy đề cập đến một đối tượng xác định hay không xác định”. Còn trong câu *He works well.* (*Cậu ấy làm việc giỏi.*), từ *well* là phó từ (hoặc trạng từ) vì nó bổ sung ý nghĩa cho động từ *work*. “Phó từ được dùng để phẩm định cho động từ, tính từ hoặc một phó từ khác bằng cách mô tả cách thức, mức độ, phạm vi hoạt động hoặc tính chất do động từ, tính từ hoặc một phó từ khác diễn tả” [8]. Thêm nữa, *well* có thể là một động từ chính trong câu: *Tears well from her eyes.* (*Nước mắt chảy từ đôi mắt nàng.*). Nếu phân chia từ loại theo hình thức thì cần dựa vào sự tồn tại của các phụ tố (*affixes*) gắn với từ đó để ít nhiều đoán được một từ thuộc loại từ loại nào [8]. Ví dụ, những từ kết thúc bằng *-ist* (*artist*), *-dom* (*freedom*), *-ness* (*happiness*),... là danh từ; những từ kết thúc bằng *-ize* (*modernize*), *-fy* (*beautify*), *-en* (*weaken*),... là động từ; những từ kết thúc bằng *-ous* (*famous*), *-en* (*wooden*), *-less* (*fearless*),... là tính từ [8]. Lê Dũng [8] cũng nêu rõ tầm quan trọng của việc nắm vững từ loại trong học ngoại ngữ vì nó giúp người học viết và nói câu đúng, đồng thời giúp họ phân biệt được câu đúng và câu sai. Tuy nhiên, tác giả cũng khẳng định phương pháp phân chia từ loại và các định nghĩa về từ loại trong tiếng Anh “còn đang gây

nhều tranh cãi giữa các nhà ngôn ngữ về giá trị và tính khoa học của chúng” mặc dù chúng vẫn được sử dụng rộng rãi trong quá trình dạy và học ngoại ngữ [8]. Ở phần 5 về Động từ, Lê Dũng cũng nêu định nghĩa, phân loại động từ và các dạng thức động từ trong tiếng Anh dựa trên các tiêu chí khác nhau [8]. Trong đó, tác giả đề cập đến một dạng thức động từ - *danh động từ (gerund)* là các động từ kết thúc bằng phụ tố *-ing* có vai trò làm chủ ngữ (*Swimming is good exercise.*) hoặc tân ngữ (*We enjoy meeting you.*) trong câu [8]. Như vậy, tác giả chỉ đề cập hiện tượng danh hóa động từ bằng cách thêm phụ tố *-ing*, hoàn toàn không đề cập đến khái niệm danh hóa động từ và các phương thức khác tạo danh hóa động từ trong tiếng Anh.

Theo từ điển Oxford Advanced Learners [9], một từ cũng có thể đảm đương vai trò của nhiều hơn một đơn vị từ loại. Một từ vừa có thể là động từ, vừa có thể danh từ (*hope, want, need, desire,...*). Việc xác định từ loại cụ thể của một từ nào đó trong tiếng Anh cần dựa vào vị trí của từ đó trong ngữ cảnh cụ thể hoặc dựa vào các thành tố tồn tại trong từ. Thiếu ngữ cảnh cụ thể hoặc thiếu các thành tố nhận biết, chúng ta không thể xác định được đơn vị từ loại của từ đó. Ví dụ, động từ *need* nếu không đặt trong ngữ cảnh *Show me your need.*, chúng ta sẽ không thể biết được *need* ở câu này là một danh từ (dựa vào vị trí của nó - đứng sau tính từ sở hữu *your*). Hoặc chúng ta cũng dễ dàng nhận biết được từ *improvement* là một danh từ vì nó được cấu tạo từ một động từ *improve* kết hợp một hậu tố *-ment* (đây là một thành tố phụ có tác dụng chuyển đơn vị từ loại từ động từ sang danh từ) [10].

Xét về các nghiên cứu liên quan đến cấu trúc danh ngữ tiếng Anh, nhiều tác giả đã đề cập trong nghiên cứu của mình các thành tố cấu tạo, đặc điểm các thành tố đó trong cấu trúc danh ngữ. Quirk và Greenbaum [10] không những đề cập tới loại danh từ cấu tạo trung tâm trong cấu trúc danh ngữ có thể bao gồm danh từ đếm được (*countable nouns*) và danh từ không đếm được (*uncountable nouns*) mà còn chủ yếu phân tích đặc điểm của thành tố phụ trước có

thể xuất hiện trong cấu trúc danh ngữ. Các thành tố phụ trước này bao gồm: hạn định từ (mạo từ *a, an, the*; tính từ chỉ định *this, that, these, those*; tính từ sở hữu *his, her, their,...*); lượng từ (*one, two,...*); các tính từ (*blue, beautiful,...*). Ví dụ: trong câu *The two blue cars belong to me.*, cấu trúc danh ngữ *The two blue cars* có thành tố phụ trước gồm 1 mạo từ *The*, 1 lượng từ *two*, 1 tính từ *blue*; và thành tố trung tâm là danh từ số nhiều *cars*. Ngoài ra, theo Lock [11], trong một cấu trúc danh ngữ, thành tố phụ trước có thể là 1 trong 3 loại thành tố sau: lượng từ (*quantifiers*); từ chỉ loại (*classifiers*); từ miêu tả (*describers*). Lượng từ (*quantifiers*) là những từ chỉ số lượng (*few, much, many, little,...*) (*many beautiful flowers*); từ chỉ loại (*classifiers*) là những từ chỉ sự phân loại cụ thể của một loại từ nào đó và từ chỉ loại có thể là một tính từ (*urban growth*), danh từ (*city growth*), hoặc phân từ (*living organisms*); từ miêu tả (*describers*) là những từ phẩm định cho danh từ trung tâm và chúng thường là các tính từ (*beautiful surroundings*) hoặc cụm tính từ (*a very large family*) [11]. Đối với thành tố phụ sau, Lock [11] cũng đề cập 3 thành tố bao gồm: mệnh đề giới hạn (*finite clauses*), mệnh đề không giới hạn (*non-finite clauses*), và cụm giới từ (*prepositional phrases*). Mệnh đề giới hạn (*finite clauses*) là loại mệnh đề giới hạn nghĩa cho thành phần danh từ hoặc cấu trúc danh ngữ đứng trước (*The child who is sitting in the corner has been very naughty*); mệnh đề không giới hạn (*non-finite clauses*) là loại mệnh đề thêm thông tin cho danh từ hoặc cấu trúc danh ngữ đứng trước (*The child, who is sitting in the corner, has been very naughty*); cụm giới từ (*prepositional phrases*) là loại cụm từ được hình thành dựa trên sự kết hợp của một giới từ và một danh từ (*with flowers*) hoặc cụm danh từ (*in the corner*) [11]. Ngoài các thành tố xuất hiện ở phần phụ trước và phụ sau của cấu trúc danh ngữ tiếng Anh, Lock [11] cũng phân tích hiện tượng danh hóa (*nominalization*) của một mệnh đề (là đơn vị ngữ pháp có cấu trúc chủ - vị). Theo tác giả,

hiện tượng danh hóa mệnh đề là sự biến đổi cấu trúc của một mệnh đề thành một cấu trúc danh ngữ diễn tả được đầy đủ nội dung nêu trong mệnh đề (*The action is slow,...* sẽ được diễn tả bằng một cấu trúc danh ngữ *A slow action,...*) [11].

Tóm lại, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào việc xác định từ loại, hiện tượng chuyển từ loại, cấu trúc danh ngữ với những thành tố cơ bản. Tuy nhiên, những nghiên cứu về phân tích hiện tượng một động từ được danh hóa bằng phương thức chuyển từ loại mà giữ nguyên hình thức ban đầu thông qua cấu trúc danh ngữ của tiếng Việt và tiếng Anh, về các thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ, về so sánh đối chiếu các thành tố phụ này trong tiếng Việt và tiếng Anh ở các ngữ liệu cụ thể vẫn còn là khoảng trống nghiên cứu. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích các cấu trúc danh ngữ gồm đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, trung tâm là động từ được danh hóa, và thành tố phụ sau trong tiếng Việt và tiếng Anh, chủ yếu tập trung làm rõ đặc điểm của các thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của loại cấu trúc này trong hai ngôn ngữ. Qua đó, kết quả nghiên cứu là cơ sở để nhận dạng loại cấu trúc danh ngữ có động từ được danh hóa; hiểu rõ hơn về đặc điểm của hiện tượng danh hóa và động từ được danh hóa; phân tích sự tương đồng và khác biệt của loại cấu trúc này giữa tiếng Việt và tiếng Anh; ứng dụng trong việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Như đã nói trên, trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu hiện tượng chuyển loại trong cụm từ, phân tích mối quan hệ của từ chuyển loại với các từ khác ở cụm từ để làm rõ đặc điểm của từ được chuyển loại. Chúng tôi thực hiện khảo sát những trường hợp động từ được danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh. Đây là các từ vốn là động từ được danh hóa khi các động từ này tham gia ở vị trí trung tâm trong cấu trúc danh ngữ. Việc lựa chọn mẫu khảo sát được thực hiện dựa trên các đặc điểm sau:

- i) Trung tâm là động từ được danh hóa; và
 ii) Cấu trúc có động từ được danh hóa phải bao gồm thành tố phụ trước và thành tố phụ sau.

Để phân tích được sự tương đồng và khác biệt giữa các thành tố trong cấu trúc danh ngữ ở cả 2 ngôn ngữ, chúng tôi thống nhất chọn 600 mẫu ngữ liệu. Cơ sở của việc chọn mẫu được dựa vào từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê [7] chủ biên) và từ điển Oxford Advanced Learners [9]. 300 cấu trúc danh ngữ trong tiếng Việt và 300 cấu trúc danh ngữ trong tiếng Anh đều có đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, trung tâm, thành tố phụ sau, trong đó trung tâm bắt buộc là động từ được danh hóa. Các cấu trúc danh ngữ ở cả hai ngôn ngữ đều được lấy từ các tác phẩm văn học tiếng Việt và tiếng Anh.

Một số phương pháp và thủ thuật nghiên cứu được chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu nhằm tìm ra ngữ liệu, số liệu phục vụ quá trình phân tích. Các phương pháp bao gồm: nghiên cứu tài liệu; phân tích ngữ nghĩa, cấu trúc, đối chiếu. Các thủ thuật nghiên cứu bao gồm: thu thập ngữ liệu, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, đối chiếu.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích ngữ nghĩa và cấu trúc được áp dụng với 300 cấu trúc danh ngữ tiếng Việt và 300 cấu trúc danh ngữ tiếng Anh. Với 300 cấu trúc ở mỗi ngôn ngữ, chúng tôi thống kê và phân tích số lượng các thành tố xuất hiện ở thành tố phụ trước và thành tố phụ sau nhằm tìm ra thành tố phổ biến và loại biệt.

Phương pháp đối chiếu được sử dụng để so sánh, đối chiếu nhằm tìm ra các điểm tương đồng và khác biệt ở các thành tố xuất hiện trong thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Các kết quả nghiên cứu giúp người sử dụng ngôn ngữ hiểu rõ hơn về đặc điểm của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh, nắm bắt được sự khác biệt

về loại cấu trúc này giữa hai ngôn ngữ để từ đó có thể sử dụng chúng được tốt hơn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích đặc điểm thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

4.1.1. Các khái niệm

Như trên đã phân tích, ở bài viết này, chúng tôi tìm hiểu hiện tượng chuyển từ loại xét trong cấu trúc danh ngữ, tức là xem xét khả năng kết hợp của từ trung tâm trong mối quan hệ với các từ là thành phần phụ trong cấu trúc cụm từ (ngữ đoạn). Với cách tiếp cận này, theo Hoàng Văn Hành [1], “Chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ, nhờ đó một từ mới thuộc phạm trù từ loại này được tạo ra từ một từ loại khác mà vẫn giữ nguyên vô âm thanh, đồng thời tạo ra ý nghĩa mới có quan hệ nhất định với ý nghĩa của từ xuất phát, và nhận những đặc trưng ngữ pháp mới (thể hiện khả năng kết hợp và chức năng làm thành phần câu) khác với đặc trưng của từ xuất phát”.

Với khái niệm trên, chúng tôi khảo sát hiện tượng chuyển loại từ động từ thành danh từ trong cấu trúc danh ngữ. Hiện tượng một từ xuất phát là động từ nhưng trong hoạt động từ đó được dùng như danh từ, thể hiện qua khả năng kết hợp của từ xuất phát với các từ ở vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ. Đây là “hiện tượng chuyển loại từ động từ thành danh từ trong tiếng Việt xảy ra khi động từ ở vị trí trung tâm trong cấu trúc danh ngữ” [12].

Chúng tôi tập trung nghiên cứu 300 mẫu là những cấu trúc danh ngữ tiếng Việt có trung tâm là động từ được danh hóa. Mẫu thu thập được từ những tác phẩm văn học Việt Nam ở giai đoạn cận và hiện đại. Đây là những cấu trúc danh ngữ gồm ba thành phần: thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau theo mô hình cấu trúc danh ngữ của Đinh Văn Đức [5]. Cụ thể:

- 4	- 3	- 2	- 1
-----	-----	-----	-----

Tất cả những cái cuốn

0

sách

1	2
---	---

mới ấy

Trong những nghiên cứu gần đây, chúng tôi nhận thấy sự kết hợp của thành tố phụ trước với trung tâm là điều kiện bắt buộc trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là tính từ được danh hóa [13] và trung tâm là động từ được danh hóa [12]. Vì vậy, trong các mẫu khảo sát, chúng tôi chỉ tập trung phân tích những cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong mối quan hệ với thành tố phụ trước và thành tố phụ sau. Chúng tôi thực hiện thu thập 300 mẫu khảo sát từ các tác phẩm văn học Việt Nam, bao gồm: *Vỡ đê, Giông tố, Cơm thầy cơm cô, Cái ghen đàn ông* của Vũ Trọng Phụng; *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố; *Dế mèn phiêu lưu ký, Cỏ dại* của Tô Hoài; *Một bữa no, Kép Tư Bền, Chí Phèo, Đồi thừa* của Nam Cao; *Báo hiếu, Người vợ lẽ bạn tôi* của Nguyễn Công Hoan; *Mắt biếc* của Nguyễn Nhật Ánh; *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh; *Nắng đồng bằng* của Chu Lai; *Bắt đầu, Buổi sớm, Cái chân què, Cô hàng xóm, Cuốn sách bỏ quên, Đêm sáng trắng, Đói, Đứa*

con, Hai lần chết, Nắng trong vườn, Người bạn trẻ, Người đằm, Những ngày mới, Tiếng sáo, Tình xưa, Tôi ba mươi, Trở về, Một đời người, Một con giận, Đứa con đầu lòng, Cô áo lụa hồng, Bóng người xưa của Thạch Lam. Phân tích 300 cấu trúc danh ngữ có đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, thành tố phụ sau, trung tâm là động từ được danh hóa, chúng tôi thu được những kết quả chính, được trình bày ở phần sau.

4.1.2. Phân tích các yếu tố thuộc thành tố phụ trước của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Sau khi phân tích mẫu thu thập, chúng tôi nhận thấy thành tố phụ trước là thành tố quan trọng, thành tố quyết định, là điều kiện cần và đủ để động từ chuyển loại thành danh từ. Dưới đây là kết quả thu được từ việc phân tích các thành tố trong thành tố phụ trước.

4.1.2.1. Số lượng các yếu tố thuộc thành tố phụ trước của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Bảng 1. Khả năng kết hợp yếu tố thuộc thành tố phụ trước với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt

Loại	Thành tố phụ trước				Trung tâm 0	Thành tố phụ sau	Ví dụ
	- 4	- 3	- 2	- 1			
I (1 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau)	1	-	-	-	+	+	Và cứ thế, nửa đêm rờ Kiên lao vào chiến đấu lại cuộc chiến đấu của đời mình , một cách đơn độc, phi hiện thực, một cách cay đắng, đầy rẫy va vấp và làm lạc. (Nỗi buồn chiến tranh, Bảo Ninh).
	2	-	+	-	-	+	Nhưng khác xa với những ông Bụt trong câu chuyện bà kể, bà tôi chẳng bao giờ nghe được những mong mỏi thâm kín của tôi . (Mắt biếc, Nguyễn Nhật Ánh).
II (2 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau)	1	-	+	-	+	+	Với tầm cao vừa xé mặt thành, giấy mái hiên cườm cườp nhòem ra ven thành, luôn luôn phật ké ra vào bằng những cái cọc bươu đầu choáng óc , nếu họ quên không cúi đầu. (Tắt đèn, Ngô Tất Tố).
	2	-	-	+	+	+	Rồi nhân cái sự trừ trừ của mình , Long càng thấy Tú Anh là người hiểu đời một cách sâu xa, sau khi đã nói đến những câu,... (Giông tố, Vũ Trọng Phụng).
III (3 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)		+	+	-	+	+	Không phải là ta khuyên con trọng mạng sống hơn cả nhưng mong con hãy cảnh giác với tất cả những sự thúc giục con người lấy cái chết để chứng tỏ một cái gì đấy . (Nỗi buồn chiến tranh, Bảo Ninh).

4.1.2.2. Các thành tố phổ biến và loại biệt thuộc thành tố phụ trước của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Việc phân tích thành tố phụ trước trong 300 mẫu thu thập được đã cho chúng tôi thấy sự kết

hợp giữa các yếu tố thuộc vị trí của thành tố phụ với trung tâm không đồng đều. Bảng 2 thể hiện tỉ lệ xuất hiện phổ biến và loại biệt khi các yếu tố thuộc thành tố phụ trước kết hợp với trung tâm.

Bảng 2. Tỉ lệ xuất hiện yếu tố thuộc thành tố phụ trước với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt

Loại		Cấu trúc	Số lần xuất hiện (/300)	Tỉ lệ phần trăm (%)	
I (1 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau)	1	Vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau	201	67	70,66
	2	Vị trí -3 (yếu tố chỉ số lượng) + trung tâm + thành tố phụ sau	11	3,66	
II (2 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau)	1	Vị trí -3 (yếu tố chỉ số lượng) + Vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau	69	23	28
	2	Vị trí -2 (hư từ <i>cái</i> chỉ xuất) + Vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau	15	5	
III (3 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau)		Vị trí -4 (danh từ chỉ khối) + Vị trí -3 (yếu tố chỉ số lượng) + Vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau	4	1,33	

Theo Bảng 2, loại I gồm động từ trung tâm được danh hóa kết hợp với 1 thành tố phụ trước chiếm tỉ lệ cao nhất (70,66%). Kiểu kết hợp phổ biến thứ hai là loại II gồm 2 thành tố phụ trước kết hợp với trung tâm là động từ được danh hóa, chiếm tỉ lệ 28%. Hiện tượng động từ được danh hóa kết hợp với 3 thành tố phụ trước trong cấu trúc danh ngữ (loại III) có số lượng ít nhất, chỉ chiếm 1,33%.

Đối với cấu trúc 1 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau, kiểu cấu tạo danh ngữ xuất hiện nhiều nhất là: vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau. Kiểu cấu tạo này xuất hiện 201/300 mẫu, chiếm tỉ lệ 67%. Các từ thuộc vị trí -1 được sử dụng trong cấu trúc danh ngữ có động từ được danh hóa là: *sự*, *cái*, *cuộc*, *nạn*, *vẽ*, *mối*, *con*, *việc*, *trận*, *vụ*, *niềm*, *nỗi*, *điều*. Trong số các từ

này, từ *sự* được sử dụng nhiều nhất (121/201 mẫu, chiếm tỉ lệ 60,2%) để tham gia vào vị trí -1 trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa. Từ được sử dụng nhiều thứ hai là từ *cái*, xuất hiện 32/201 mẫu, chiếm tỉ lệ 15,92%. Từ *nỗi* xuất hiện 15/201 mẫu, chiếm tỉ lệ 7,46%. Các từ *niềm*, *việc*, *cuộc*, *con*, *vẽ* xuất hiện lần lượt là 7 mẫu (3,48%), 6 mẫu (2,98%), 6 mẫu (2,98%), 4 mẫu (1,99%), 3 mẫu (1%). Các từ như *trận*, *vụ*, mỗi từ cũng chỉ xuất hiện 2 mẫu. Với những từ như: *nạn*, *mối*, *điều*, mỗi từ chỉ xuất hiện 1 mẫu. Kết quả thể hiện rõ việc sử dụng các từ làm yếu tố thuộc thành tố phụ trước để tạo lập động từ chuyển loại thành danh từ trong cấu trúc danh ngữ. Trong số mẫu chúng tôi thu thập được, yếu tố chỉ số lượng trong cấu trúc Vị trí -3 (yếu tố chỉ số lượng) + trung tâm + thành tố phụ sau đều là từ *những*.

Đối với cấu trúc 2 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau, kiểu cấu tạo phổ biến là: vị trí -3 (yếu tố chỉ số lượng) + vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau. Trong đó, các từ chỉ đơn vị xuất hiện trong mẫu thu thập được gồm: *những, một, mọi, mấy, bao*. Từ *những* xuất hiện 38/69 mẫu, chiếm tỉ lệ 55,07%. Từ *một* xuất hiện 27/69 mẫu, chiếm tỉ lệ 39,13%. Trường hợp từ *mọi* có 2/69 mẫu. Các từ *mấy* và từ *bao* xuất hiện 1 lần trong số 69 mẫu có cấu trúc 2 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau. Kiểu cấu tạo: vị trí -2 (hư từ *cái* chỉ xuất) + Vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau xuất hiện 15/300 mẫu, chiếm tỉ lệ 4,66%. Điểm đặc biệt trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa này nằm ở chỗ mặc dù hư từ *cái* được sử dụng với ý nghĩa chỉ xuất sự vật ở vị trí -2 nhưng không đòi hỏi các đại từ như: *này, kia, nó, đó, ấy,...* ở vị trí 2 trong thành tố phụ sau. Ví dụ: *trong khi ngồi trước đèn để thuật lại câu chuyện này, tôi cũng muốn cho mơ màng để **cái cuộc giải bày tâm sự của con sen** có được một chút thi vị.* (Cơm thầy cơm cô, Vũ Trọng Phụng). Trong khi đó, về nguyên tắc cấu tạo ngữ danh từ, việc dùng từ *cái* ở vị trí -2 trong cấu trúc danh ngữ đòi hỏi phải có các đại từ *này, kia, nó, đó, ấy,...* Ví dụ: *cái quyển sách ấy, cái con người ấy,...*

Cấu trúc 3 thành tố phụ trước + trung tâm + thành tố phụ sau xuất hiện ít nhất (4/300 mẫu, chiếm tỉ lệ 1,33%). Tất cả các mẫu chúng tôi thu thập được đều có cấu tạo: vị trí -4 (danh từ chỉ khối) + Vị trí -3 (yếu tố chỉ số lượng) + Vị trí -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị) + trung tâm + thành tố phụ sau. Trong đó, danh từ chỉ khối có các từ *tất cả, cả*; các từ chỉ số lượng có từ *những*; yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị xuất hiện có từ *sự, nổi*.

4.1.3. Phân tích các yếu tố thuộc thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Qua quá trình phân tích 300 cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa,

chúng tôi thu được các kết quả nhất định liên quan đến các yếu tố thuộc thành tố phụ sau tham gia vào cấu trúc danh ngữ.

4.1.3.1. Số lượng các yếu tố thuộc thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Sau khi phân tích thành tố phụ sau của 300 cụm danh từ có trung tâm là động từ danh hóa, kết quả được thể hiện như sau: loại I có cấu trúc: thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau, và loại II có cấu trúc: thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau.

Cấu trúc danh ngữ, trung tâm là động từ được danh hóa, có 1 thành tố phụ sau là cấu trúc phổ biến (286/300 mẫu, chiếm tỉ lệ 95,33%). Trong đó, cấu trúc danh ngữ có 2 thành tố phụ sau xuất hiện 14/300 mẫu, chiếm tỉ lệ 4,66%. Số liệu trên cho thấy trong cấu tạo cụm danh từ có động từ được danh hóa làm trung tâm, trường hợp xuất hiện phổ biến là trường hợp có 1 thành tố phụ sau.

Đối với trường hợp cấu trúc danh ngữ có 1 thành tố phụ sau (vị trí 1 hoặc vị trí 2), vị trí 2, về mặt cấu tạo, chỉ gồm 1 từ và là đại từ như *ấy, vậy, đó, này, thế*. Ví dụ: *Bà rất mến tôi và bày tỏ **sự quý mến đó** bằng cách kẹp rỏ vào nách và bắt ghế đứng lên hái hoa thiên lý xuống nấu canh mời tôi ăn.* (Mắt biếc, Nguyễn Nhật Ánh) Theo số liệu khảo sát, thành tố phụ sau là một đại từ thuộc vị trí 2, vị trí cuối cùng về phía sau, xuất hiện 13/286 trường hợp có 1 thành tố phụ sau, chiếm tỉ lệ 4,54% và 13/300 mẫu khảo sát, chiếm tỉ lệ 4,33%.

Trường hợp thành tố phụ sau là từ hoặc cụm từ thuộc vị trí 1 xuất hiện phổ biến. 273/286 trường hợp có 1 thành tố phụ sau, chiếm tỉ lệ 95,46% và 273/300 mẫu khảo sát, chiếm tỉ lệ 91%. Như vậy, so với vị trí 2, vị trí 1 xuất hiện phổ biến hơn.

Cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa gồm 1 thành tố phụ sau thuộc vị trí 1 có cấu tạo là một từ hoặc cụm từ. Trong đó, trường hợp vị trí 1 là một từ có số lượng 57/273 (20,88%), và 57/300 mẫu khảo sát (19%). Các từ xuất hiện ở vị trí 1 thường là

danh từ (danh từ chung, danh từ riêng), động từ, tính từ. Ví dụ: *Long tuy cũng lộn ruột về sự suy bì gia thế, cũng cố nén giận, vỗ vào lưng Tuyết mấy câu rồi nói.* (Giông tố, Vũ Trọng Phụng); Ví dụ: *bởi vì đã đến lúc chúng tôi từ già ngôi trường mái lá với những bàn ghế ọp ẹp của thầy Phu, từ già sự dạy dỗ tận tụy và những hình phạt rùng rợn của thầy, từ già những trưa nắng chang chang lên vào vườn ông Cửu*

Hoành nhật thị rụng (Mắt biếc, Nguyễn Nhật Ánh); Ví dụ: *vậy mà bên ngoài, những cơn mưa lúc lăm lăm, lúc rào rào, vẫn không thôi khiêu khích sự bức mình, sự chán nản sự muốn tự tử trong lòng* (Giông tố, Vũ Trọng Phụng); Ví dụ: *Kiên nhớ rằng trong suốt mười năm đời lính B3 chỉ có đôi ba lần nổi nhớ Phương thật sự hóa thành ám ảnh* (Nỗi buồn chiến tranh, Bảo Ninh).

Bảng 3. Khả năng kết hợp yếu tố thuộc thành tố phụ sau với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt

Loại	Thành tố phụ trước	Trung tâm	Thành tố phụ sau		Ví dụ
			0	1 2	
I (Thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	1	+	+	+ -	Cái sức làm cho anh kép Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ôm một mình là ở câu nói ấy. (Kép Tư Bền, Nguyễn Công Hoan).
	2	+	+	- +	Sự tiếp xúc ấy gợi trong lòng chàng một thứ cảm giác mạnh nó sẽ không bao giờ phai lạt được. (Vỡ đê, Vũ Trọng Phụng).
II (Thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau)		+	+	+ +	Người hàng phố đã quen với những cuộc cãi nhau ấy . (Tiếng sáo, Thạch Lam).

Trường hợp vị trí 1 là một cụm từ xuất hiện 216/273 mẫu, chiếm tỉ lệ 79,12% và 216/300 mẫu, chiếm tỉ lệ 72%. Đây là kiểu cấu trúc phổ biến khi hình thành cụm danh từ có động từ được danh hóa làm trung tâm. Các cụm từ thuộc vị trí 1 trong thành tố phụ sau gồm các loại sau: cụm từ chỉ sở hữu bắt đầu bằng giới từ *của*, cùng với đó là các cụm từ bắt đầu bằng các giới từ khác như: *trong, sau, về,...*, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, cụm chủ vị, cụm đẳng lập, định ngữ của câu: (thành phần tình huống của câu) *trước đây chỉ một lát, một thời gian rất ngắn, vừa rồi*, cụm từ cố định: *đầu Ngô mình Sở, bán vợ đợ con*, nhiều cụm tính từ và cụm từ đẳng lập. Ví dụ: *ấy đại khái sự huyền*

náo là ở những lời nói, những câu hát lảm nhảm, những sự gào thét đầu Ngô mình Sở như thế cả (Giông tố, Vũ Trọng Phụng).

Các yếu tố tham gia vào vị trí 1 ở thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ có động từ làm trung tâm cấu tạo dưới dạng cụm từ. Trong đó, loại cụm từ phổ biến là cụm từ chỉ sở hữu bắt đầu bằng giới từ *của*. Loại cụm từ này xuất hiện 85/216 (tỉ lệ 39,35%) cấu trúc danh ngữ mà trung tâm là động từ được danh hóa có vị trí 1 thuộc thành tố phụ sau, và 85/300 (tỉ lệ 28,33%) mẫu được thu thập. Phân tích loại cụm từ này, chúng tôi nhận thấy, sau giới từ *của* là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ. Ví dụ: *Cái giận của Sinh lên đến cực điểm: chàng không nên nổi*

nữa. (Đôi, Thạch Lam); Ví dụ: *Có lẽ mỗi thất vọng trước sự tan vỡ của những mộng tưởng cao quý và đẹp đẽ trong đời chàng đã đẩy Bình xuống vực sâu.* (Buổi sớm, Thạch Lam).

Ngoài ra, loại cụm từ thuộc vị trí 1 trong thành tố phụ sau có cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. Các ví dụ cho từng loại được trình bày theo trật tự tương ứng sau. Ví dụ: *cũng như nhiều người rồi khác, ông Cả có cái ham mê những công việc tỉ mỉ.* (Tinh xưa, Thạch Lam); Ví dụ: *Vẽ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hình hỏi mẹ một cách thiết tha.* (Tắt đèn, Ngô Tất Tố); Ví dụ: *Nghĩa là ông hết sức khoe cái cười lấy lòng, cái cười thiệp đời của nhà tư bản.* (Báo hiếu, Nguyễn Công Hoan) Trong số

này, cụm danh từ và cụm tính từ xuất hiện phổ biến hơn so với cụm động từ.

Theo số liệu khảo sát, vị trí 1 trong cấu trúc danh ngữ là cụm từ cố định xuất hiện ít nhất, 2/216 (0,92%) mẫu có thành tố phụ sau là cụm từ, và 2/300 (0,66%) mẫu được thu thập.

4.1.3.2. Các thành tố phổ biến và loại biệt thuộc thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Từ kết quả phân tích 300 mẫu là cụm danh từ có động từ được danh hóa, khả năng kết hợp của trung tâm với thành tố phụ sau được thể hiện qua Bảng 4 như sau:

Bảng 4. Tỷ lệ xuất hiện yếu tố thuộc thành tố phụ sau với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt

Loại		Cấu trúc	Số lần xuất hiện (/300)	Tỷ lệ phần trăm (%)	
I (Thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	1	Thành tố phụ trước + trung tâm + Vị trí 1	273	91	95,33
	2	Thành tố phụ trước + trung tâm + Vị trí 2	13	4,33	
II (Thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau)		Thành tố phụ trước + trung tâm + Vị trí 1 + Vị trí 2	14	4,66	

Theo Bảng 4, động từ được danh hóa có xu hướng kết hợp với 1 thành tố phụ sau (95,33%). Trong đó kết hợp phổ biến là: thành tố phụ trước + trung tâm + Vị trí 1 (91%). Các kết hợp thành tố phụ trước + trung tâm + Vị trí 2 và thành tố phụ trước + trung tâm + Vị trí 1 + Vị trí 2 tương đương nhau về tần số xuất hiện.

4.1.4. Nhận xét về khả năng kết hợp trung tâm với thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt

Từ kết quả ở Bảng 1 và Bảng 3, khả năng kết hợp giữa trung tâm với thành tố phụ trước và thành tố phụ sau được thể hiện trong Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5. Khả năng kết hợp trung tâm là động từ danh hóa với thành tố phụ trước và thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt

Loại		Thành tố phụ trước				Trung tâm	Thành tố phụ sau		Ví dụ
		-4	-3	-2	-1	0	1	2	
I (1 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	1	-	-	-	+	+	+	-	Sự quấy nhiễu của nó là vô tội. (Tắt đèn, Ngô Tất Tố).
	2	-	+	-	-	+	+	-	Hấn khinh những lo lắng tũn mủn về vật chất. (Đời thừa, Nam Cao).

II (2 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	1	-	-	+	+	+	+	-	Thầy ta đáng lẽ phải trông thấy đôi mắt của Minh sáng lên, và cái vẻ lo sợ của Minh hiện ra trên nét mặt. (Cái chân què, Thạch Lam).
	2	-	+	-	+	+	+	-	Tôi đứng đó, mắt dán chặt vào những món hàng xinh xắn và lung linh đang bày biện trên sạp, lòng dậy lên một nỗi ao ước mơ hồ nhưng cháy bỏng . (Mắt biếc, Nguyễn Nhật Ánh).
	3	-	+	-	+	+	-	+	Mắt bà dờ ra như đang theo đuổi một ước vọng xa xôi; bà đang nghĩ rằng không bao giờ bà được biết những nỗi lo sợ ấy , bởi không bao giờ bà được bông đùa con trên tay được nâng niu, áp ủ một cái mầm sống trong lòng. (Đứa con, Thạch Lam).
III (3 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)		+	+	-	+	+	+	-	Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng. (Cô hàng xén, Thạch Lam).
IV (1 thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau)		-	-	-	+	+	+	+	Nếu tôi nói một cách khoa học, một cách có văn chương, thì trong ái tình, con xúc động mạnh ấy, sự phải lòng giai ghê gớm ấy người ta gọi là “cái tiếng sét” “le coup de foudre” vậy. (Com thầy com cô, Vũ Trọng Phụng).
V (2 thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau)		-	+	-	+	+	+		Vì nước Pháp được tiếng là có nhiều thuộc địa béo bở cho nên những cường quốc khác lắm le thèm muốn đã rõ rệt lắm. Nếu không giữ được lòng trung thành của dân tộc thuộc địa thì lấy gì mà chống lại với những sự ham muốn của các cường quốc kia? (Vỡ đê, Vũ Trọng Phụng).

- Những cấu trúc phổ biến: trung tâm kết hợp với 1 thành tố phụ trước (Vị trí -1) và trung tâm kết hợp với 1 thành tố phụ sau (Vị trí 1). Điều này cho thấy các động từ trung tâm được danh hóa có xu hướng kết hợp với các vị trí lân cận, gần trung tâm trong cấu trúc danh ngữ.

- Những cấu trúc không phổ biến là những cấu trúc có kết hợp trung tâm với những vị trí ở xa nó hoặc những cấu trúc phức tạp với sự tham gia của nhiều vị trí thuộc thành tố phụ.

4.2. Phân tích đặc điểm thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

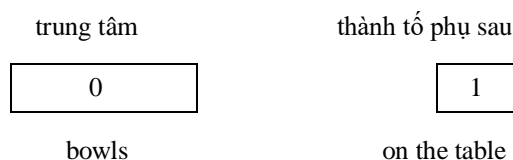
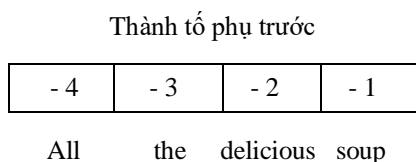
4.2.1. Các khái niệm

Hiện tượng danh hóa (Nominalization) được định nghĩa là quá trình cấu tạo một danh từ từ một động từ hoặc một tính từ [14]. Có nghĩa là một động từ hoặc một tính từ trong tiếng Anh có thể trở thành một danh từ. Chẳng

hạn: động từ *want* trở thành danh từ *want* trong cụm từ *his want*; tính từ *happy* trở thành danh từ *happiness*. Với quan điểm của Eastwood [15], hiện tượng danh hóa là quá trình biến một mệnh đề thành một cấu trúc danh ngữ (*The residents protested* → *The residents' protests*). Nguyễn Mạnh Hùng [16] chỉ ra rằng một động từ trong tiếng Anh có thể được danh hóa, trở thành một danh từ bằng hai phương thức cấu tạo từ: phương thức phái sinh (Derivation) - còn gọi là phương thức thêm phụ tố (Affixation); hoặc phương thức chuyển loại từ (Conversion) - còn gọi là phương thức phái sinh zero (Zero-Derivation). Phương thức phái sinh (Derivation) là phương thức cấu tạo từ mới bằng cách thêm các phụ tố (tiền tố hoặc hậu tố) vào gốc từ (động từ *nationalize* trở thành danh từ *nationalization*), còn phương thức phái sinh zero (Zero Derivation) là phương thức chuyển từ loại mà vẫn giữ nguyên hình thức ban đầu của từ loại đó (động từ *love* trở thành danh từ *love*). Phụ tố (*affix*) là một hình vị bắt buộc được thêm vào trước hoặc sau gốc từ hoặc thân từ. Phụ tố đứng trước gốc từ được gọi là tiền tố (*prefix*) (ví dụ: tiền tố *un-* trong *unhappiness*);

còn phụ tố đứng sau gốc từ được gọi là hậu tố (*suffix*) (ví dụ: hậu tố *-less* trong *hopeless*) [16].

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu 300 mẫu cấu trúc danh ngữ tiếng Anh có thành phần trung tâm là động từ danh hóa được hình thành bằng phương thức phái sinh zero. 300 mẫu cấu trúc danh ngữ này được tổng hợp từ các tác phẩm văn học nước ngoài bao gồm: *Pride and Prejudice* của Jane Austen; *Prince Roman, The tale, The secret sharer* của Joseph Conrad; *The Great Gatsby* của F. Scott. Fitzgerald; *The gift of the Magi* của O. Henry; *The good soldier* của Ford Madox Ford. Đây là 300 mẫu cấu trúc danh ngữ gồm đầy đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, trung tâm, và thành tố phụ sau được phân tích dựa theo cấu trúc cơ bản của một danh ngữ trong tiếng Anh [15]: Quantifier (lượng từ) + Determiner (hạn định từ) + Adjective (tính từ) + Noun (danh từ) + **Noun** (Head) (từ trung tâm) + Post-modifier (các thành tố phụ sau) (ví dụ: All + the + delicious + soup + **bowls** + on the table). Dựa trên vị trí các yếu tố trong cấu trúc danh ngữ của Đính Văn Đức [6], các yếu tố trong cấu trúc danh ngữ của Eastwood [15] được thể hiện với trật tự như sau:



Từ 300 cấu trúc danh ngữ đưa vào nghiên cứu trong bài viết này, chúng tôi nhận thấy thành tố phụ trước có thể gồm từ 1 đến 4 yếu tố khác nhau, còn thành tố phụ sau chỉ gồm 1 yếu tố và loại yếu tố này không cố định ở mọi trường hợp. Vì vậy, dựa vào số lượng và sự kết hợp của các yếu tố thuộc thành tố phụ trước và thành tố phụ sau, chúng tôi sẽ lần lượt phân tích các loại cấu trúc sau: [1] Loại I: 1 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau; [2] Loại II: 2 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau; [3] Loại III: 3 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau; [4] Loại IV: 4 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ

sau; [5] Loại V: 2 thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau. Riêng Loại IV và Loại V chỉ xuất hiện trong ngữ liệu tiếng Việt, hoàn toàn không có ở ngữ liệu tiếng Anh. Vì vậy ở phần phân tích các cấu trúc danh ngữ tiếng Anh, chúng tôi chỉ thể hiện Loại I, II, và III trên bảng. Các loại kết hợp khác (ngoài 5 loại cấu trúc trên) không xuất hiện trong ngữ liệu nên không được đưa vào phân tích.

4.2.2. Phân tích các yếu tố thuộc thành tố phụ trước của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Theo mô hình cấu trúc danh ngữ của Eastwood [15], thành tố phụ trước của một cấu

trúc danh ngữ sẽ gồm một hoặc nhiều hơn một các yếu tố sau: lượng từ (*quantifier*), hạn định từ (*determiner*), tính từ (*adjective*), danh từ (*noun*). Eastwood nhận định rằng lượng từ là từ thể hiện số lượng (*many, much, all,...*) và đứng trước danh từ [15]; hạn định từ là từ đứng trước danh từ, thường bao gồm các mạo từ, tính từ chỉ định (*this, that, these, those*), và các tính từ sở hữu (*my, your,...*) [15]. Theo Lê Huy Trường và các cộng sự, mạo từ (*article*) là các từ chức năng (*a/an/the*) đứng trước danh từ hoặc cụm danh từ để nhận định danh từ hay cụm danh từ đó là xác định hay chưa xác định [17]; tính từ chỉ định (*demonstrative adjective*) là các tính từ đứng trước danh từ để chỉ đích danh một vật, một người, hoặc một hiện tượng nào đó [17].

Sau khi tổng hợp dữ liệu từ 300 cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa, chúng tôi nhận thấy các yếu tố nêu trên

thuộc thành tố phụ trước đều xuất hiện trong cấu trúc danh ngữ. Một yếu tố có thể độc lập kết hợp với trung tâm; hoặc nhiều yếu tố kết hợp với trung tâm. Vì vậy ở phần tiếp theo, chúng tôi sẽ tập trung nghiên cứu số lượng và tần suất xuất hiện của các yếu tố trong thành tố phụ trước, sự kết hợp của chúng với trung tâm để tìm ra thành tố phổ biến và loại biệt.

4.2.2.1. Số lượng các yếu tố thuộc thành tố phụ trước của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Sau khi tổng hợp số liệu từ các cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa, xét đến sự kết hợp của các yếu tố đó với trung tâm, chúng tôi thấy thành tố phụ trước có thể chỉ gồm 1, 2, 3, hoặc 4 thành tố kết hợp với nhau. Từng trường hợp với số lượng cụ thể về các yếu tố thuộc thành tố phụ trước trong cấu trúc danh ngữ tiếng Anh được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6. Khả năng kết hợp yếu tố thuộc thành tố phụ trước với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Anh

Loại	-4	-3	-2	-1	Trung tâm	1	Ví dụ	
I	1	+	-	-	-	+	+	It would have meant the extinction of all hopes of Branshaw Manor for her. (The good soldier, Ford Madox Ford).
	2	-	+	-	-	+	+	Though their kindness to Jane, such as it was, had a value as arising in all probability from the influence of their brother's admiration . (Pride and Prejudice, Jane Austen).
	3	-	-	+	-	+	+	It was the first time he had called on me though I had gone to two of his parties, mounted in his hydroplane, and, at his urgent invitation, made frequent use of his beach . (The Great Gatsby, F. Scott Fitzgerald)
II	1	+	-	+	-	+	+	He looked at his watch as if there was some pressing demand on his time elsewhere. (The Great Gatsby, F. Scott Fitzgerald).
	2		+	+	-	+	+	Instead of taking the short cut along the Sound we went down the road and entered by the big postern. (The Great Gatsby, F. Scott Fitzgerald)

III	1	+	+	+	-	+	+	I dare say that all these excellent influences upon his adolescence were very bad for him. (The good soldier, Ford Madox Ford).
	2	-	+	+	+	+	+	Grand as the watch was, he sometimes looked at it on the sly on account of the old leather strap that he used in place of a chain . (The gift of the Magi, O. Henry).

Loại I (chỉ có 1 yếu tố thuộc thành tố phụ trước) gồm 3 loại nhỏ:

- Loại I.1: vị trí -4 (1 lượng từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau;

- Loại I.2: vị trí -3 (1 hạn định từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau;

- Loại I.3: vị trí -2 (1 tính từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau.

Loại II (có 2 yếu tố thuộc thành tố phụ trước) gồm 2 loại nhỏ:

- Loại II.1: vị trí -4 (1 lượng từ) + vị trí -2 (1 tính từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau;

- Loại II.2: vị trí -3 (1 hạn định từ) + vị trí -2 (1 tính từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau.

Loại III (có 3 yếu tố thuộc thành tố phụ trước) gồm 2 loại nhỏ:

- Loại III.1: vị trí -4 (1 lượng từ) + vị trí -3 (1 hạn định từ) + vị trí -2 (1 tính từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau;

- Loại III.2: vị trí -3 (1 hạn định từ) + vị trí -2 (1 tính từ) + vị trí -1 (1 danh từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau.

4.2.2.2. Các thành tố phổ biến và loại biệt thuộc thành tố phụ trước của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Dựa theo kết quả tổng hợp phần trên, 3 loại thể hiện sự kết hợp của các yếu tố thuộc thành tố phụ trước với trung tâm và thành tố phụ sau. Với mỗi loại cụ thể, chúng tôi cũng đã tổng hợp được tần suất xuất hiện và tỉ lệ phần trăm xuất hiện của chúng như sau:

Bảng 7. Tỉ lệ xuất hiện yếu tố thuộc thành tố phụ trước với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Anh

Loại	Cấu trúc		Số lần xuất hiện (/300)	Tỉ lệ phần trăm xuất hiện (%)		
I	1	1 Lượng từ + trung tâm + thành tố phụ sau	21	7		
	2	1 Hạn định từ + trung tâm + thành tố phụ sau	a	1 Mạo từ + trung tâm + thành tố phụ sau	142	47,33
			b	1 Tính từ sở hữu + trung tâm + thành tố phụ sau	20	6,66
			c	1 Tính từ chỉ định + trung tâm + thành tố phụ sau	3	1
3	1 Tính từ + trung tâm + thành tố phụ sau	8	2,66			
			64.65			

II	1	1 Lượng từ + 1 Tính từ + trung tâm + thành tố phụ sau	6	2	34,33
	2	1 Hạn định từ + 1 Tính Từ + trung tâm + thành tố phụ sau	97	32,33	
III	1	1 Lượng từ + 1 Hạn định từ + 1 Tính từ + trung tâm + thành tố phụ sau	1	0,33	1
	2	1 Hạn định từ + 1 Tính từ + 1 Danh từ + trung tâm + thành tố phụ sau	2	0,66	

Theo kết quả thống kê về tỉ lệ xuất hiện ở Bảng 7, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ xuất hiện (từ cao nhất đến thấp nhất) tỉ lệ nghịch với số lượng yếu tố trong thành tố phụ trước (từ 1 đến 3). Điều này có nghĩa Loại I (1 yếu tố trong thành tố phụ trước) chiếm tỉ lệ xuất hiện cao nhất (64,65%), tỉ lệ xuất hiện thấp hơn (đứng thứ hai) là Loại II (2 yếu tố trong thành tố phụ trước) chiếm 34,33%, tiếp đến đứng thứ 3 là Loại III (3 yếu tố trong thành tố phụ trước) chiếm tỉ lệ thấp nhất 1%. Như vậy, khi trung tâm là động từ được danh hóa, nó thường có xu hướng kết hợp nhiều với các hạn định từ (*determiner*) - là những từ đứng trước danh từ và phẩm định cho danh từ đó. Các hạn định từ trong tiếng Anh bao gồm mạo từ (xác định *the*, không xác định *a/an*), tính từ sở hữu (*his, her, your,...*), tính từ chỉ định (*this, that, these, those*) [15]. Nếu nhìn vào Bảng 7, Loại I.2 thể hiện sự kết hợp của 1 hạn định từ + trung tâm + thành tố phụ sau, chúng tôi nhận thấy trong 3 loại hạn định từ mà Eastwood [15] đã nêu, tỉ lệ xuất hiện cao nhất (47,33%) rơi vào Loại I.2.a (mạo từ *a/an/the* + trung tâm + thành tố phụ sau), còn tỉ lệ thấp nhất (1%) rơi vào Loại I.2.c (1 tính từ chỉ định + trung tâm + thành tố phụ sau).

Xét đến sự xuất hiện độc lập của lượng từ (*quantifier*) (Loại I.1) hoặc sự kết hợp của lượng từ với các yếu tố khác (Loại II.1, Loại III.1), các tỉ lệ xuất hiện không cao (Loại I.1: 7%; Loại II.1: 2%; Loại III.1: 0,33%). Điều này có thể được lý giải dựa trên đặc điểm của trung tâm là động từ được danh hóa. Khi 1 động từ trở thành danh từ dựa theo phương thức chuyển

từ loại, động từ được danh hóa đó sẽ thường mang nghĩa trừu tượng và sẽ giới hạn sự kết hợp giữa trung tâm là động từ danh hóa với các lượng từ.

Xét đến sự xuất hiện độc lập của tính từ (Loại I.3) hoặc sự kết hợp của các tính từ với các yếu tố khác trong thành tố phụ trước (Loại II.2, Loại III.1, Loại III.2), tỉ lệ xuất hiện ở những loại này không cao, cụ thể: Loại I.3: 2,66%; Loại II.2: 32,33%; Loại III.1: 0,33%; Loại II.2: 0,66%. Như vậy, tỉ lệ cao nhất (32,33%) rơi vào Loại II.2 (1 hạn định từ + 1 tính từ + trung tâm + thành tố phụ sau). Còn ở các loại khác (khi tính từ đứng độc lập 1 mình hoặc nhiều hơn 1 tính từ kết hợp với nhau), tỉ lệ xuất hiện rất thấp. Lý do là một động từ danh hóa có thể được phẩm định bằng 1 tính từ đứng trước để tạo thành 1 cụm danh từ (tính từ + danh từ chính). Khi đó, cụm danh từ này thường có xu hướng kết hợp với một hạn định từ để cấu trúc được trở nên rõ nghĩa hơn.

Xét đến sự xuất hiện độc lập hoặc kết hợp của một danh từ với các yếu tố khác trong thành tố phụ trước, chúng tôi không tìm thấy bất kì mẫu ngữ liệu nào về sự xuất hiện độc lập của một danh từ trong thành tố phụ trước, mà chỉ có 2/300 mẫu cấu trúc thể hiện được sự kết hợp của 1 danh từ với các yếu tố khác trong thành tố phụ trước - đó là Loại III.2 (chiếm tỉ lệ rất thấp: 0,66%). Điều này có nghĩa khi trung tâm là một động từ được danh hóa, chúng ít khi được 1 danh từ khác phẩm định về mặt ngữ nghĩa.

4.2.3. Phân tích các yếu tố thuộc thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Như trên đã nêu, 300 cấu trúc danh ngữ có đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, trung tâm, và thành tố phụ sau được đưa vào nghiên cứu và ở 300 cấu trúc này, chúng tôi nhận thấy một điểm rất đặc biệt là thành tố phụ sau chỉ có 1 yếu tố xuất hiện. Yếu tố duy nhất này là: (1) mệnh đề (*a clause*) (*the stewardess who was serving drinks*); (2) cụm từ (cụm giới từ - *a prepositional phrase*: *the girl of my dream*; cụm trạng từ - *an adverb phrase*: *We don't talk to the people upstairs*; cụm tính từ - *an adjective phrase*: *The police found parcels full of cocaine.*; cụm danh từ - *a noun phrase*: *The weather that day was awful.*); (3) mệnh đề kết hợp cụm từ (*The baffling case of a teenage girl who vanished exactly twenty years ago has been re-opened by police.*) hoặc hai/nhiều hơn hai cụm từ kết hợp với nhau (*Violence erupted at the mass funeral of African National Congress*

victims of last week's massacre at Ciskei.) [15]. Theo Biber và các cộng sự [18], mệnh đề (*a clause*) là một đơn vị ngữ pháp trong câu gồm có chủ ngữ và một động từ (*I don't understand what she is saying.*); cụm giới từ (*a prepositional phrase*) là cụm từ bao gồm một giới từ đứng trước một cụm danh từ (*in the class*); cụm tính từ (*an adjective phrase*) là cụm từ có thành tố chính là một tính từ (*very handsome*); cụm danh từ (*a noun phrase*) là cụm từ có thành tố chính là một danh từ (*the roses in the garden*).

4.2.3.1. Số lượng các yếu tố thuộc thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Theo ngữ liệu thống kê từ 300 cấu trúc danh ngữ, thành tố phụ sau của các cấu trúc này chỉ có một yếu tố. Đây không phải là 1 loại yếu tố duy nhất xuất hiện mà nó có thể là một cụm từ nguyên mẫu có *to*, một cụm giới từ, hoặc một mệnh đề. Điều này được thể hiện ở Bảng 8 dưới đây.

Bảng 8. Khả năng kết hợp yếu tố thuộc thành tố phụ sau với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Anh

Loại	Thành tố phụ trước	Trung tâm	Thành tố phụ sau			Ví dụ
			Cụm giới từ	Cụm từ nguyên mẫu có <i>-to</i>	Mệnh đề	
I	+	+	+	-	-	"Come outside", he suggested to Gatsby, "I'd like you to have a look at the place. " (The Great Gatsby, F. Scott Fitzgerald).
II		+	-	+	-	As soon as I arrived I made an attempt to find my host but the two or three people of whom I asked his whereabouts stared at me in such an amazed way and denied so vehemently any knowledge of his movements that I slunk off in the direction of the cocktail table - the only place in the garden where a single man could linger without looking purposeless and alone. (The Great Gatsby, F. Scott Fitzgerald).
III	+	+	-	-	+	"Ladies and gentlemen", he cried. At the request of Mr. Gatsby we are going to play for you Mr. Vladimir Tostoff's latest work which attracted so much attention at Carnegie Hall last May. (The Great Gatsby, F. Scott Fitzgerald).

Loại I: 1 hoặc nhiều thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau (1 cụm giới từ)

Loại II: 1 hoặc nhiều thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau (1 cụm từ nguyên mẫu có *-to*)

Loại III: 1 hoặc nhiều thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau (1 mệnh đề)

4.2.3.2. Các thành tố phổ biến và loại biệt thuộc thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Kết quả số liệu về tỉ lệ xuất hiện và tỉ lệ phần trăm xuất hiện của 3 loại thành tố phụ sau được thể hiện ở Bảng 9 dưới đây:

Bảng 9. Tỉ lệ xuất hiện yếu tố thuộc thành tố phụ sau với trung tâm là động từ danh hóa trong cấu trúc danh ngữ tiếng Anh

Loại	Cấu trúc	Số lần xuất hiện (/300)	Tỉ lệ phần trăm xuất hiện (%)
I	1 hoặc nhiều thành tố phụ trước + trung tâm + 1 cụm giới từ	260	86,66
II	1 hoặc nhiều thành tố phụ trước + trung tâm + 1 cụm từ nguyên mẫu có <i>-to</i>	17	5,66
III	1 hoặc nhiều thành tố phụ trước + trung tâm + 1 mệnh đề	23	7,66

Theo Bảng 9, tỉ lệ cao nhất (86,66%) xuất hiện ở Loại I khi thành tố phụ sau là một cụm giới từ. Đúng thứ 2 với tỉ lệ không cao (7,66%) khi thành tố phụ sau là 1 mệnh đề. Thấp nhất (5,66%) (Loại II) khi thành tố phụ sau là 1 cụm từ nguyên mẫu có *to* – là cấu trúc bắt đầu bằng một động từ nguyên mẫu có *to* (*a to-infinitive*) kết hợp với các thành tố khác như tân ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ. Động từ nguyên mẫu có *to* (*a to-infinitive*) là một dạng thức của động từ tiếng Anh mà tiểu từ *to* luôn đứng trước dạng cơ bản (*base form*) của động từ [19]. Ví dụ: *to go* trong câu *He needs to go now*. được gọi là động từ nguyên mẫu có *to*. Như vậy, loại thành tố phổ biến nhất trong thành tố phụ sau của 300 cấu trúc danh ngữ là cụm giới từ (Loại I). Ít xuất hiện nhất là cụm từ nguyên mẫu có *to* (Loại II).

4.2.4. Nhận xét về khả năng kết hợp trung tâm với thành tố phụ trước và thành tố phụ sau của cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Anh

Sau khi thống kê ngữ liệu cùng với kết quả nghiên cứu, chúng tôi có một vài nhận xét sau:

Đối với thành tố phụ trước, trong 300 mẫu cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa, luôn có sự tồn tại của ít nhất 1 yếu tố ở thành tố phụ trước. Các yếu tố này có thể xuất

hiện độc lập hoặc kết hợp với nhau không giới hạn theo trật tự mà Eastwood [15] nêu rõ: vị trí -4 (lượng từ) + vị trí -3 (hạn định từ) + vị trí -2 (tính từ) + vị trí -1 (danh từ) + trung tâm + 1 thành tố phụ sau. Như vậy, số lượng thành tố phụ trước có thể là 1, 2, 3, 4 (tương đương 4 vị trí được nêu trong Eastwood [15]). Kết quả cho thấy không có trường hợp nào thành tố phụ trước có đầy đủ 4 vị trí, chỉ có 1, 2, 3 vị trí (tương ứng với Loại I, II, và III). Đồng thời, kết quả cũng chỉ ra thành tố phổ biến là các hạn định từ và thành tố loại biệt là danh từ trong thành tố phụ trước.

Đối với thành tố phụ sau, trong 300 cấu trúc danh ngữ, thành tố phụ sau chỉ gồm một yếu tố: hoặc là cụm giới từ, cụm nguyên mẫu có *to*, hoặc là mệnh đề. Loại thành tố phổ biến nhất là cụm giới từ và loại thành tố loại biệt là cụm nguyên mẫu có *to*.

4.3. Phân tích điểm giống nhau và khác nhau giữa các thành tố phụ thuộc cụm danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh

Khi phân tích thành tố phụ trước trong tiếng Việt và tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy các yếu tố thuộc mỗi vị trí (-4, -3, -2, -1) ở hai ngôn ngữ

không giống nhau. Vì vậy khi đưa ra nhận xét về các thành tố này ở hai ngôn ngữ, chúng tôi sẽ không so sánh các yếu tố ở mỗi vị trí mà sẽ so sánh các yếu tố ở các vị trí khác nhau nhưng có

tính chất tương đồng với nhau ở tiếng Việt và tiếng Anh, từ đó có thể dễ dàng thấy được điểm giống và khác nhau. Bảng 10 thể hiện rõ điều này.

Bảng 10. Khả năng kết hợp trung tâm và thành tố phụ trước ở cấu trúc danh ngữ được thành lập từ động từ danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh (Ghi chú: yếu tố chỉ số lượng (tiếng Việt)/Lượng từ (tiếng Anh))

Loại		Xuất hiện (+)/ Không xuất hiện (-)		Thành tố phụ trước và sự kết hợp của chúng	Vị trí		Tỉ lệ xuất hiện (Tỉ lệ %)	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Anh
I (1 thành tố phụ trước)	1	+	+	Yếu tố chỉ số lượng	-3	-4	11/300 (3,66%)	21/300 (7%)
	2	+	-	Yếu tố chỉ khái niệm đơn vị	-1		201/300 (67%)	
	3	-	+	Hạn định từ		-3		165/300 (55%)
	4	-	+	Tính từ		-2		8/300 (2,66%)
II (2 thành tố phụ trước)	1	+	+	Yếu tố chỉ số lượng + 1 thành tố khác	-3 (Yếu tố chỉ số lượng) + -1 (yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị)	-4 (lượng từ) + -2 (tính từ)	69/300 (23%)	6/300 (2%)
	2	+	-	Hư từ <i>cái</i> chỉ xuất + yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị	-2 + -1		15/300 (1,33%)	
	3	-	+	Hạn định từ + tính từ		-3 + -2		97/300 (32,33%)
III (3 thành tố phụ trước)	1	-	+	Lượng từ + hạn định từ + tính từ		-4 + -3 + -2		1/300 (0,33%)
	2	-	+	Hạn định từ + Tính từ + Danh từ		-3 + -2 + -1		2/300 (0,66%)
	3	+	-	Danh từ chỉ khối + yếu tố chỉ số lượng + yếu tố chỉ ra khái niệm đơn vị	-4 + -3 + -1		4/300 (1,33%)	

Đối với cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa kết hợp với 1 thành tố phụ trước (Loại I), có 4 trường hợp. Trường hợp thứ nhất (Loại I.1), 1 yếu tố chỉ lượng từ (vị trí -3 trong tiếng Việt, -4 trong tiếng Anh) xuất hiện với tỉ lệ thấp (tiếng Việt: 3,66%; tiếng Anh: 7%). Trường hợp thứ hai (Loại I.2), 1 yếu tố chỉ khái niệm đơn vị chỉ xảy ra trong tiếng Việt (ở vị trí -1 với tỉ lệ cao nhất: 67%). Trường hợp thứ ba (Loại I.3), 1 hạn định từ chỉ xảy ra trong tiếng Anh (ở vị

trí -3 với tỉ lệ cao thứ 2 trong nhóm: 55%). Trường hợp thứ tư (Loại I.4), 1 tính từ chỉ xảy ra trong tiếng Anh (ở vị trí -2 với tỉ lệ thấp nhất 2,66%). Như vậy khi chỉ có 1 thành tố phụ trước trong cấu trúc danh ngữ có động từ được danh hóa, yếu tố cấu tạo nên thành tố phụ trước trong tiếng Anh đa dạng về từ loại hơn so với yếu tố cấu tạo thành tố phụ trước trong tiếng Việt.

Đối với cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa kết hợp với 2 thành tố

phụ trước (Loại II), có 3 trường hợp. Trường hợp thứ nhất, 1 lượng từ kết hợp 1 yếu tố khác (Loại II.1), tiếng Việt có tỉ lệ xuất hiện nhiều hơn so với tiếng Anh. Ở tiếng Việt, yếu tố lượng từ (-3) kết hợp yếu tố chỉ khái niệm đơn vị (-1) chiếm 23%, trong khi lượng từ (-4) kết hợp 1 tính từ (-2) trong tiếng Anh chỉ chiếm 2%. Trường hợp thứ hai, 1 hư từ *cái* chỉ xuất (-2) kết hợp yếu tố chỉ khái niệm đơn vị (-1) (Loại II.2) chỉ xuất hiện trong tiếng Việt, chiếm tỉ lệ thấp nhất (1,33%). Trường hợp thứ ba, 1 hạn định từ (-3) kết hợp 1 tính từ (-2) (Loại II.3) chỉ xuất hiện trong tiếng Anh, chiếm tỉ lệ cao nhất (32,33%). Điều này chứng tỏ ở cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa, khi có 2 thành tố phụ trước, sự kết hợp phổ biến trong tiếng Việt là 1 yếu tố chỉ lượng từ và 1 yếu tố chỉ khái niệm đơn vị (23%), trong khi kết hợp phổ biến ở tiếng Anh là 1 hạn định từ và 1 tính từ (32,33%).

Đối với cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa kết hợp với 3 thành tố phụ trước (Loại III), có 3 trường hợp, trong đó 1 trường hợp xuất hiện với tiếng Việt và 2

trường hợp xuất hiện với tiếng Anh. Trường hợp tiếng Việt, Loại III.3 chiếm tỉ lệ 1,33%. Trường hợp tiếng Anh, Loại III.1 chiếm 0,33%, Loại III.2 chiếm 0,66%. Như vậy việc xuất hiện 3 thành tố phụ trước trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa không phổ biến, tỉ lệ xuất hiện ở cả 2 ngôn ngữ đều rất thấp.

Kết luận, khi cấu tạo cấu trúc danh ngữ có động từ được danh hóa, trường hợp xuất hiện phổ biến là có từ 1 đến 2 thành tố phụ trước. Trường hợp có 3 thành tố phụ trước xuất hiện hạn chế. Điều này thể hiện xu hướng hình thành danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa theo cấu trúc đơn giản, giúp người sử dụng ngôn ngữ dễ nhận dạng.

Theo Bảng 11, thành tố phụ sau trong tiếng Việt phổ biến là 1 yếu tố (vị trí 1) chiếm tỉ lệ 91%. Trong tiếng Anh, thành tố phụ sau phổ biến là 1 cụm giới từ (chiếm tỉ lệ 86,66%). Những trường hợp khác xuất hiện với tỉ lệ thấp. Ngoài ra, trường hợp 2 thành tố phụ sau kết hợp với nhau để tạo cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa chỉ xuất hiện trong tiếng Việt với tỉ lệ thấp (4,66%).

Bảng 11. Khả năng kết hợp trung tâm và thành tố phụ sau ở cấu trúc danh ngữ được thành lập từ động từ danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh

Loại		Xuất hiện (+)/ Không xuất hiện (-)		Thành tố phụ trước và sự kết hợp của chúng	Tỉ lệ xuất hiện (%)	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tiếng Việt	Tiếng Anh
I (1 thành tố phụ sau)	1	-	+	1 cụm giới từ		260/300 (86,66%)
	2	-	+	1 cụm từ nguyên mẫu có <i>to</i>		17/300 (5,66%)
	3	-	+	1 mệnh đề		23/300 (7,66%)
	4	+	-	1 yếu tố ở vị trí 1	273/300 (91%)	
	5	+	-	1 yếu tố ở vị trí 2	13/300 (4,33)	
II (2 thành tố phụ sau)	2a	+	+	1 yếu tố ở vị trí 1 + 1 yếu tố ở vị trí 2	14/300 (4,66%)	

Bài nghiên cứu này tập trung khai thác các cấu trúc danh ngữ có đủ 3 thành phần: thành tố phụ trước, trung tâm, và thành tố phụ sau. Khi xét đến sự kết hợp của cả 3 thành phần này, ở 600 cấu trúc danh ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy có 5 loại được thể hiện rõ ở Bảng 12 sau:

Bảng 12 cho thấy Loại I, Loại II, Loại III (có 1 thành tố phụ sau; thành tố phụ trước không giới hạn) đều xuất hiện ở tiếng Việt và tiếng Anh. Trong đó, ở cả 2 ngôn ngữ, trường hợp 1 thành tố phụ trước xuất hiện chiếm tỉ lệ cao nhất (68% trong tiếng Việt, 64,65% trong tiếng Anh).

Bảng 12. Khả năng kết hợp các vị trí thành tố phụ trước, thành tố phụ sau với trung tâm của cấu trúc danh ngữ được thành lập từ động từ danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh

Loại	Xuất hiện (+)/ Không xuất hiện (-)		Tần suất xuất hiện (%)	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Anh
I (1 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	(+)	(+)	204/300 (68%)	194/300 (64,65%)
II (2 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	(+)	(+)	78/300 (26%)	103/300 (34,33%)
III (3 thành tố phụ trước + trung tâm + 1 thành tố phụ sau)	(+)	(+)	4/300 (1,33%)	3/300 (1%)
IV (1 thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau)	(+)	(-)	11/300 (3,66%)	-
V (2 thành tố phụ trước + trung tâm + 2 thành tố phụ sau)	(+)	(-)	3/300 (1%)	-

Loại III (có 3 thành tố phụ trước) chiếm tỉ lệ thấp nhất (1,33% trong tiếng Việt, 1% trong tiếng Anh).

Loại IV (có 2 thành tố phụ sau, 1 thành tố phụ trước) và Loại V (có 2 thành tố phụ sau, 2 thành tố phụ trước) chỉ xuất hiện trong tiếng Việt với tỉ lệ rất thấp (Loại IV: 3,66%; Loại V: 1%).

Như vậy dựa vào kết quả kết hợp của các thành tố phụ trước, thành tố phụ sau và trung tâm là động từ được danh hóa, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ xuất hiện cao ở danh ngữ có cấu trúc đơn giản (có ít thành tố phụ trước hoặc thành tố phụ sau). Điều này thuận lợi cho việc nhận dạng và hình thành cấu trúc, giúp người sử dụng nắm bắt ý nghĩa của loại cấu trúc này dễ dàng hơn.

4.4. Vai trò của nghiên cứu đối với việc giảng dạy và học tập ngôn ngữ

Nghiên cứu này tập trung phân tích đặc điểm của các thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa trong tiếng Việt và tiếng Anh, từ đó nêu được các điểm tương đồng và khác biệt giữa các thành tố phụ này trong hai ngôn ngữ. Kết quả thu được từ nghiên cứu có ý nghĩa lớn đối với người dạy và người học ở các trường đại học chuyên ngữ.

4.4.1. Đối với người dạy

Bài viết có vai trò quan trọng đối với người giảng dạy ngôn ngữ, đặc biệt là ở chuyên ngành so sánh và đối chiếu ngôn ngữ. Các kết quả

nghiên cứu không những nêu được đặc điểm của các thành tố phụ (trước, sau) trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa mà còn chỉ rõ các thành tố phổ biến, loại biệt, và sự kết hợp phổ biến và không phổ biến của các yếu tố thuộc các thành tố phụ này. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để người dạy xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy lý thuyết: về cấu trúc danh ngữ có đầy đủ ba thành phần; về từ loại; về hiện tượng danh hóa động từ trong tiếng Việt và tiếng Anh. Từ đó, họ có thể xây dựng tài liệu, bài giảng về so sánh đối chiếu các thành tố phụ thuộc loại cấu trúc danh ngữ này trong hai ngôn ngữ, thiết kế các bài tập phù hợp với nội dung lý thuyết so sánh và đối chiếu. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở để người dạy thiết kế bộ ngân hàng câu hỏi thích hợp, giúp quá trình kiểm tra đánh giá người học hiệu quả, chính xác, khách quan, đáp ứng được yêu cầu mà người học cần đạt được đối với nội dung kiến thức mà người dạy đề ra.

4.4.2. Đối với người học

Bên cạnh vai trò quan trọng với người giảng dạy, bài viết cũng có ý nghĩa lớn đối với người học ngôn ngữ. Từ khái niệm về hiện tượng danh hóa, hiện tượng động từ được danh hóa, các đặc điểm của các thành tố phụ trước và thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa, các thành tố phổ biến và loại biệt xuất hiện trong cấu trúc, người học thuận lợi trong việc tiếp thu những kiến thức này. Người học có thể củng cố kiến thức về lý thuyết trên, vận dụng kiến thức để xác định các thành tố, các đơn vị từ loại trong tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài ra, dựa trên sự phân tích các đặc điểm giống và khác nhau giữa các thành tố phụ trước và thành tố phụ sau trong cấu trúc ở tiếng Việt và tiếng Anh, người học có thể vận dụng các kiến thức này một cách linh hoạt hơn, hiệu quả hơn trong quá trình học tập và sử dụng tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) cũng như ngoại ngữ (tiếng Anh).

Tóm lại, nghiên cứu này có ý nghĩa lớn đối với người dạy và người học ngoại ngữ. Trong giảng dạy, chúng giúp người dạy thiết kế các nội dung và các bài tập nhận dạng, so sánh, đối chiếu sao cho phù hợp. Trong học tập, chúng giúp người học xác định được các thành phần

trong cấu trúc danh ngữ, xác định đơn vị từ loại và có khả năng so sánh đối chiếu cấu trúc này ở 2 ngôn ngữ, củng cố kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của người học.

5. Kết luận

Bài viết tập trung phân tích các cấu trúc danh ngữ có đầy đủ ba thành phần: Thành tố phụ trước, trung tâm, thành tố phụ sau (trong đó, trung tâm là động từ được danh hóa) trong tiếng Việt và tiếng Anh. Kết quả cho thấy trường hợp xuất hiện phổ biến ở cả 2 ngôn ngữ là chỉ có 1 hoặc 2 thành tố phụ trước và 1 thành tố phụ sau. Trường hợp 3 thành tố phụ trước kết hợp với nhau xuất hiện trong tiếng Việt và tiếng Anh với tỉ lệ rất thấp. Không có trường hợp nào có đủ 4 loại thành tố phụ trước cùng xuất hiện (giống như trong cấu trúc mẫu) ở cả 2 ngôn ngữ. Đối với thành tố phụ sau, số loại thành tố xuất hiện trong cấu trúc không nhiều. Trường hợp 2 thành tố phụ sau kết hợp với nhau xuất hiện với tỉ lệ rất thấp. Như vậy, danh ngữ có trung tâm là động từ được danh hóa ở cả tiếng Việt và tiếng Anh thường có cấu trúc đơn giản, giúp người học dễ nhận dạng, dễ sử dụng hơn trong thực tiễn. Các kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra các loại thành tố phổ biến và thành tố loại biệt trong cấu trúc danh ngữ dạng này.

Như vậy dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đem lại giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu giúp củng cố lý thuyết về từ loại, về hiện tượng danh hóa động từ, về đặc điểm cấu trúc danh ngữ có động từ danh hóa làm trung tâm và các thành phần phụ của cấu trúc này. Các kết quả nghiên cứu có ý nghĩa lớn đối với quá trình giảng dạy và học tập ngôn ngữ ở các trường đại học chuyên ngữ. Chúng là cơ sở khoa học để đề xuất các phương pháp phù hợp trong giảng dạy và học tập ngôn ngữ (cụ thể là tiếng Việt và tiếng Anh). Ngoài ra, chúng cũng mở ra các hướng nghiên cứu khác trong tương lai chẳng hạn như nghiên cứu về từ loại, nghiên cứu về các thành tố thuộc các cấu trúc khác (cấu trúc động từ, cấu trúc tính từ,...) trong tiếng Việt và tiếng Anh nhằm giúp người học nhận biết được sự khác biệt cơ bản về các

khái niệm này ở hai ngôn ngữ để từ đó có thể vận dụng đúng kiến thức trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- [1] H. V. Hanh, Words in Vietnamese, Saigon Culture Publishing House, Saigon, 1998, pp. 212, (in Vietnamese).
- [2] V. D. Nghieu, Introduction to Linguistics, VNU Publishing House, Hanoi, Vol. 287, 2024, pp. 268, (in Vietnamese).
- [3] N. T. Giap, A Brief History of Vietnamese Linguistics, Education Publishing House, Hanoi, Vol. 1, 2008, pp. 224 (in Vietnamese).
- [4] N. T. Giap, Introduction to Linguistics, Vietnam Education Publishing House, Hanoi, 2023 (in Vietnamese).
- [5] D. V. Duc, Vietnamese Grammar, VNU Publishing House, Hanoi, 2001, pp. 57 (in Vietnamese).
- [6] N. T. Can, Vietnamese Grammar, VNU Publishing House, Hanoi, 1998, pp. 213 (in Vietnamese).
- [7] H. Phe, Vietnamese Dictionary, Encyclopedia Publishing House, Vietnam, 2012, pp. 635 (in Vietnamese).
- [8] L. Dung, English Grammar Explanation (2nd ed.), Education Publishing House, Hanoi, 2005, pp. 85-91 (in Vietnamese).
- [9] Oxford Advanced Learner's Dictionary, Oxford University Press, Oxford, 2020.
- [10] R. Quirk, S. Greenbaum, G. Leech, J. Svartvik, A University Grammar of English, Longman House, Harlow, 1973.
- [11] G. Lock, Functional English Grammar - An Introduction for Second Language Teachers, Cambridge University Press, Cambridge, 1996.
- [12] N. T. T. Ngoc, Verbal Nominalization: A Study on its Combination Ability in Noun Phrase Structures, Journal of Education Equipment, Vol. 2, 2022, pp. 404 (in Vietnamese).
- [13] N. T. T. Ngoc, The Substantivization of Vietnamese Adjectives in Noun Phrase Structures, VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 40, 2024, pp. 41 (in Vietnamese).
- [14] D. Crystal, The Cambridge Encyclopedia of Language, Cambridge University Press, Cambridge, 1987.
- [15] J. Eastwood, Oxford Guide to English Grammar, Oxford University Press, Oxford, 1994.
- [16] N. M. Hung, An Insight into English Lexicology, VNU Publishing House, Hanoi, 2014.
- [17] L. H. Truong, D. D. Thien, T. H. Phuong, A Grammar of the English Language (3rd ed.), Hanoi University Publisher, Hanoi, 2015.
- [18] D. Biber, S. Conrad, G. Leech, Longman Student Grammar of Spoken and Written English, Hai Phong Publishing House, Hai Phong, 2002.
- [19] L. G. Alexander, Longman English Grammar, Longman Inc., New York, 1988.